TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 25-12-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Đỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 74/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn***:** Chị **Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 6, phường V, tỉnh A.

*2. Bị đơn***:** Anh **Võ Văn V,** sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 859A M, phường R, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Võ Văn V sau một thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã tự nguyện tiến đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh K (nay là phường R, tỉnh A) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/01/2018. Thời gian đầu chung sống với nhau

rất hạnh phúc nhưng sau này cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cải vã. Mâu thuẫn trầm trọng là vào khoảng tháng 10/2022; nguyên nhân theo chị H cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi vì bất đồng quan điểm sống, thiếu tôn trọng lẫn nhau, anh V thường đi làm ăn xa không chăm lo cho gia đình, không trợ giúp kinh tế gia đình cho chị H. Do nhận thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên chị H muốn ly hôn với anh V. Chị H xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Võ Thị Vân A, sinh ngày 09/5/2018 và Võ Tấn S, sinh ngày 08/12/2020.

Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn V; Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung sau khi ly hôn. Chị yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi mỗi con với số tiền 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), tổng cộng nuôi 02 người con là 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng/tháng), cho đến khi cháu A và cháu S đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động. Tại phiên tòa, chị thay đổi yêu cầu khởi kiện về nội dung cấp dưỡng nuôi con; chị xác định không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Võ Văn V là bị đơn: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, tống đạt thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thu Hđối với anh Võ Văn V; chấp nhận việc giao hai con chung là Võ Thị Vân A, sinh ngày 09/5/2018 và Võ Tấn S, sinh ngày 08/12/2020 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết. Nguyên đơn chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Thủ tục tố tụng:*

Chị Phạm Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Võ Văn V, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Võ Văn V là bị đơn cư trú tại phường Rạch Giá, tỉnh An Giang; căn cứ quy định tại Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025, có hiệu lực thi hành ngày 0/7/2025; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Võ Văn V như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; tuy nhiên, anh V không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị H giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] *Nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H và anh Võ Văn V tự nguyện tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là phường Rạch Giá, tỉnh An Giang) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/01/2018, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Tại phiên toà, chị H xác định nguyên nhân yêu cầu ly hôn là vì giữa chị và anh V không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay và không thể hàn gắn được tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả do anh V vắng mặt. Điều

này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định giữ nguyên ý kiến muốn chấm dứt hôn nhân với anh V, Hội đồng xét xử dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh V.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh V có 02 người con chung tên Võ Thị Vân Anh, sinh ngày 09/5/2018 và Võ Tấn S, sinh ngày 08/12/2020.

Chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung; đối với cháu Võ Thị Vân A cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Xét thấy về phía anh V không có ý kiến gì đối với việc nuôi dưỡng con; chị H xác định có đủ điều kiện chăm sóc tốt cho con về mọi mặt; ngoài ra để cháu Anh và cháu S được tiếp tục ổn định với sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hiện tại và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Anh, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Anh và cháu S cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đúng với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp anh V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị H tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị xác định không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi hai con chung sau khi ly hôn; do đó Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có và không yêu cầu; nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Đối với bị đơn anh Võ Văn V, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó";* trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh V không có sự phản đối nào đối với yêu cầu và các chứng cứ của nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu anh V có tranh chấp về thay đổi quyền con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002563 ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - An Giang); chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H đối với bị đơn anh Võ Văn V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Võ Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Vân A, sinh ngày 09/5/2018 và cháu Võ Tấn S, sinh ngày 08/12/2020 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị H cùng các tHnh viên trong gia đình không được quyền cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp anh V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002563 ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - An Giang); chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bán án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- THADS khu vực 1 – An Giang;
- UBND phường Rạch Giá;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm